TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2024/HNGĐ-ST
Ngày 25/7/2024
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sự

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Trứ

Ông Nguyễn Văn Bào

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị T - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 139/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024 về việc "*Ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08/7/2024 giữa các đương sự;

-Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1977 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

-Bị đơn: Ông Đào Sỹ H1, sinh năm 1975 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Đều cư trú: Thôn P, xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đào Sỹ H1 chung sống với nhau từ năm 1994 cho đến nay, hai bên không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thì cuộc sống vợ không hợp nhau, bà và ông H1 đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2023 cho đến nay, nguyên nhân mâu thuẫn do ông H1 hay uống rượu đánh đập, chửi bới bà. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn ông H1.

-Về con chung: Bà xác định có 03 con chung là cháu Đào Thị H2, sinh ngày 01/9/1995; cháu Đào Thị Thanh L, sinh ngày 17/11/2000; cháu Đào Sỹ H3, sinh ngày 28/7/2004. Cháu H2 và cháu L đã xây dựng gia đình, còn cháu H3 đã trưởng và đi làm tự nuôi bản thân, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà tự thỏa thuận, không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa bà H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Bị đơn ông Đào Sỹ H1 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản: ông nhất trí với phần trình bày của bà H, không trình bày gì khác.

Tại phiên tòa ông vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành tốt.

- Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về nội dung vụ án:

Căn cứ khoản 1 Điều 14; Điều 16; khoản 2 Điều 53- Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

-Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị H và ông Đào Sỹ H1.

- Về con chung, công nợ, tài sản chung: Không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ngày 28 tháng 6 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị H xin ly hôn ông Đào Sỹ H1 có nơi cư trú tại thôn P, xã Đ, huyện H là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về tố tụng: Bà H và ông H1 đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bà H và ông H1 là có căn cứ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình giải quyết, bà H và ông H1 đều xác định chung sống với nhau từ năm 1994 cho đến nay và không đăng ký kết hôn, Hội đồng xét xử thấy: Bà H và ông H1 sau khi về chung sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do ông H1 hay uống rượu, không chịu khó làm ăn dẫn đến tình cảm hai bên dạn nứt. Qua xác minh ở

địa phương thì xác định bà H và ông H1 chung sống với nhau từ năm 1994 và không có thông tin đăng ký kết hôn tại xã. Căn cứ vào Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 quy định việc áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 như sau *"N và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 01/01/1987 đến ngày 01/01/2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày luật này có hiệu lực cho đến ngày 01/01/2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng*". Do vậy, Hội đồng xét xử thấy, do bà Trần Thị H và ông Đào Sỹ H1 chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994, có đủ điều kiện kết hôn, nhưng không đăng ký kết hôn, nên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị H và ông Đào Sỹ H1 là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Bà Trần Thị H và ông Đào Sỹ H1 trong thời gian chung sống có 03 con chung: cháu Đào Thị H2, sinh ngày 01/9/1995; cháu Đào Thị Thanh L, sinh ngày 17/11/2000; cháu Đào Sỹ H3, sinh ngày 28/7/2004. Cháu H2 và cháu L đã xây dựng gia đình, còn cháu H3 đã trưởng và đi làm tự nuôi bản thân, cả hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Trần Thị H và ông Đào Sỹ H1 tự thỏa thuận, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14; Điều 16; khoản 2 Điều 53- Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị H và ông Đào Sỹ H1.

2. Về con chung, công nợ, tài sản chung: Bà Trần Thị H và ông Đào Sỹ H1 không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu

số 0004032 ngày 28/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận bà Trần Thị H đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- CCTHADS huyện Hiệp Hòa;
- UBND xã Đoan Bái;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Sự